

BIỂU PHÍ BẢO HIỂM BẢO VỆ 365 - BẢO HIỂM TAI NẠN CƠ BẢN

Được phê chuẩn theo công văn số 3398/BTC-QLBH ngày 15/04/2022 của Bộ Tài chính
(Biểu Phí bảo hiểm, tính trên 1.000 VNĐ Số tiền bảo hiểm)

Gói sản phẩm **Bảo Vệ 365 - Bảo Hiểm Tai Nạn Cơ Bản** gồm các sản phẩm:

- Bảo Hiểm Tai Nạn Cá Nhân Mở Rộng
- Bảo Hiểm Hỗ Trợ Nằm Viện Do Tai Nạn
- Bảo Hiểm Hỗ Trợ Thu Nhập Do Tai Nạn

Tỷ lệ phí bảo hiểm áp dụng cho các sản phẩm này như sau:

1. Bảo Hiểm Tai Nạn Cá Nhân Mở Rộng

❖ **Đối với trường hợp không chi trả hoa hồng**

Tuổi	Nhóm nghề			
	1	2	3	4
0 -17	0,84	0,84	0,84	0,84
18-30	0,83	0,95	1,31	1,78
31-40	1,03	1,19	1,70	2,39
41-50	1,29	1,51	2,22	3,16
51-60	1,40	1,66	2,44	3,49
61-65	1,93	2,33	3,51	5,09

❖ **Đối với trường hợp có chi trả hoa hồng**

Tuổi	Nhóm nghề			
	1	2	3	4
0 -17	1,23	1,23	1,23	1,23
18-30	1,20	1,39	1,90	2,60
31-40	1,50	1,74	2,48	3,48
41-50	1,88	2,20	3,22	4,59
51-60	2,04	2,41	3,55	5,08
61-65	2,81	3,39	5,11	7,41

Các ngành nghề được phân loại theo Bảng phân loại nghề nghiệp của Hanwaha Life Việt Nam:

- **Nhóm 1:** những ngành nghề chuyên nghiệp, những công việc hoặc những hoạt động liên quan đơn thuần đến công việc hành chính tại văn phòng;
Ví dụ: chủ doanh nghiệp, nhân viên văn phòng, nhân viên hành chánh), giáo sư, giáo viên, nhân viên lập trình/đồ họa (ngành công nghệ thông tin), bác sĩ/nha sĩ/dược sĩ (ngành y) ...
- **Nhóm 2:** những ngành nghề chuyên nghiệp, những công việc hoặc những hoạt động có tính chất giám sát-theo dõi hoặc đòi hỏi có di chuyển nhưng không tham gia vào hoạt động thủ công;
Ví dụ: kỹ sư hóa học, nhà báo, biên tập viên chương trình, người dẫn chương trình, học sinh, sinh viên, nội trợ ...
- **Nhóm 3:** những ngành nghề chuyên nghiệp, những công việc hoặc những hoạt động thủ công nhẹ nhàng và có sử dụng dụng cụ, trang thiết bị hoặc máy móc;
Ví dụ: đầu bếp, nhân viên giao bình ga, công nhân cạo mủ cao su, thợ điện/nước dân dụng, thợ sửa chữa, lắp ráp xe máy ...

- **Nhóm 4:** những ngành nghề chuyên nghiệp, những công việc hoặc những hoạt động thủ công nặng nề và có sử dụng dụng cụ, trang thiết bị hoặc máy móc.
Ví dụ: công nhân phá đá có sử dụng chất nổ, công nhân thi công đường hầm, thợ khoan thăm dò địa chất...

2. Bảo Hiểm Hỗ Trợ Nằm Viện Do Tai Nạn

❖ Đối với trường hợp không chi trả hoa hồng

Tuổi	Nhóm nghề			
	1	2	3	4
0 -17	278,06	278,06	278,06	278,06
18-30	381,94	477,43	668,40	763,89
31-40	348,33	435,42	609,58	696,67
41-50	525,56	656,94	919,72	1.051,11
51-60	886,11	1.107,64	1.550,69	1.772,22
61-65	1.292,50	1.615,63	2.261,88	2.585,00

❖ Đối với trường hợp có chi trả hoa hồng

Tuổi	Nhóm nghề			
	1	2	3	4
0 -17	404,44	404,44	404,44	404,44
18-30	555,56	694,44	972,22	1.111,11
31-40	506,67	633,33	886,67	1.013,33
41-50	764,44	955,56	1.337,78	1.528,89
51-60	1.288,89	1.611,11	2.255,56	2.577,78
61-65	1.880,00	2.350,00	3.290,00	3.760,00

3. Bảo Hiểm Hỗ Trợ Thu Nhập Do Tai Nạn

❖ Đối với trường hợp không chi trả hoa hồng

Tuổi	Nhóm nghề			
	1	2	3	4
0 -17	0,31	0,31	0,31	0,31
18-30	0,56	0,69	1,00	1,13
31-40	0,81	1,00	1,44	1,63
41-50	2,13	2,69	3,75	4,25
51-60	5,75	7,19	10,06	11,50
61-65	21,19	26,50	37,06	42,38

❖ Đối với trường hợp có chi trả hoa hồng

Tuổi	Nhóm nghề			
	1	2	3	4
0 -17	0,45	0,45	0,45	0,45
18-30	0,82	1,00	1,45	1,64
31-40	1,18	1,45	2,09	2,36
41-50	3,09	3,91	5,45	6,18
51-60	8,36	10,45	14,64	16,73
61-65	30,82	38,55	53,91	61,64